

UBND XÃ XUÂN HÙNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN BẮC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 - 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Vũ Thị Kim Nghĩa	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội Đồng	
2	Mai Thị Kim Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Phương The	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng	
5	Lê Thị Kim Thoa	TTCM tổ 5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Duyên	TTCM tổ 4 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
7	Lê Thị Hồng Gấm	TTCM tổ 3 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
8	Đỗ Thị Vân Anh	TTCM tổ nhà trẻ	Ủy viên Hội đồng	
9	Vũ Thị Lan	Giáo viên 5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	

2
NAM ĐỊNH, NĂM 2025
MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	8
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	9
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, 3, 4, 5	
I. Tiêu chí 1: Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	12
1. Mô tả hiện trạng	12
2. Điểm mạnh	13
3. Điểm yếu	13
4. Kế hoạch cải tiến	13
5. Kết luận về tiêu chí	13
II. Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	
<i>Chỉ số 2.1</i>	13
1. Mô tả hiện trạng	13
2. Điểm mạnh	13
3. Điểm yếu	13
4. Kế hoạch cải tiến	13
5. Kết luận về tiêu chí	13
<i>Chỉ số 2.2</i>	13
1. Mô tả hiện trạng	13
2. Điểm mạnh	13

3. Điểm yếu	14
4. Kế hoạch cải tiến	14
5. Kết luận về tiêu chí	14
<i>Chỉ số 2.3</i>	14
1. Mô tả hiện trạng	14
2. Điểm mạnh	14
3. Điểm yếu	14
4. Kế hoạch cải tiến	14
5. Kết luận về tiêu chí	14
<i>Chỉ số 2.4</i>	14
1. Mô tả hiện trạng	14
2. Điểm mạnh	14
3. Điểm yếu	14
4. Kế hoạch cải tiến	14
5. Kết luận về tiêu chí	14
<i>Chỉ số 2.5</i>	15
1. Mô tả hiện trạng	15
2. Điểm mạnh	15
3. Điểm yếu	15
4. Kế hoạch cải tiến	15
5. Kết luận về tiêu chí	15
<i>Chỉ số 2.6</i>	15
1. Mô tả hiện trạng	15
2. Điểm mạnh	15
3. Điểm yếu	15
4. Kế hoạch cải tiến	15
5. Kết luận về tiêu chí	15
<i>Chỉ số 2.7</i>	15

1. Mô tả hiện trạng	15
2. Điểm mạnh	15
3. Điểm yếu	16
4. Kế hoạch cải tiến	16
5. Kết luận về tiêu chí	16
<i>Chỉ số 2.8</i>	16
1. Mô tả hiện trạng	16
2. Điểm mạnh	16
3. Điểm yếu	16
4. Kế hoạch cải tiến	16
5. Kết luận về tiêu chí	16
<i>Chỉ số 2.9</i>	16
1. Mô tả hiện trạng	16
2. Điểm mạnh	16
3. Điểm yếu	16
4. Kế hoạch cải tiến	16
5. Kết luận về tiêu chí	16
<i>Chỉ số 2.10</i>	16
1. Mô tả hiện trạng	16
2. Điểm mạnh	17
3. Điểm yếu	17
4. Kế hoạch cải tiến	17
5. Kết luận về tiêu chí	17
<i>Chỉ số 2.11</i>	17
1. Mô tả hiện trạng	17
2. Điểm mạnh	17
3. Điểm yếu	17

4. Kế hoạch cải tiến	17
5. Kết luận về tiêu chí	17
<i>Chỉ số 2.12</i>	17
1. Mô tả hiện trạng	17
2. Điểm mạnh	18
3. Điểm yếu	18
4. Kế hoạch cải tiến	18
5. Kết luận về tiêu chí	18
<i>Chỉ số 2.13</i>	18
1. Mô tả hiện trạng	18
2. Điểm mạnh	18
3. Điểm yếu	18
4. Kế hoạch cải tiến	18
5. Kết luận về tiêu chí	18
III. Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến	18
<i>Chỉ số 3.1</i>	18
1. Mô tả hiện trạng	18
2. Điểm mạnh	18
3. Điểm yếu	18
4. Kế hoạch cải tiến	19
5. Kết luận về tiêu chí	19
<i>Chỉ số 3.2</i>	19
1. Mô tả hiện trạng	19
2. Điểm mạnh	19
3. Điểm yếu	19
4. Kế hoạch cải tiến	19
5. Kết luận về tiêu chí	19

<i>Chỉ số 3.3</i>	19
1. Mô tả hiện trạng	19
2. Điểm mạnh	19
3. Điểm yếu	19
4. Kế hoạch cải tiến	19
5. Kết luận về tiêu chí	19
IV. Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số	20
<i>Chỉ số 4.1</i>	20
1. Mô tả hiện trạng	20
2. Điểm mạnh	20
3. Điểm yếu	20
4. Kế hoạch cải tiến	20
5. Kết luận về tiêu chí	20
<i>Chỉ số 4.2</i>	20
1. Mô tả hiện trạng	20
2. Điểm mạnh	20
3. Điểm yếu	20
4. Kế hoạch cải tiến	20
5. Kết luận về tiêu chí	20
V. Tiêu chí 5. Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng	21
<i>Chỉ số 5.1</i>	21
1. Mô tả hiện trạng	21
2. Điểm mạnh	21
3. Điểm yếu	21
4. Kế hoạch cải tiến	21
5. Kết luận về tiêu chí	21
<i>Chỉ số 5.2</i>	21

1. Mô tả hiện trạng	21
2. Điểm mạnh	21
3. Điểm yếu	21
4. Kế hoạch cải tiến	21
5. Kết luận về tiêu chí	21
PHẦN III: KẾT LUẬN CHUNG	22
PHẦN IV: PHỤ LỤC	23

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2	CNTT	Công nghệ thông tin
3	CĐS	Chuyển đổi số
4	GDMN	Giáo dục mầm non
5	GDDT	Giáo dục Đào tạo
6	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7	HCQT	Hành chính quản trị

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**1. Kết quả đánh giá**

(Đánh dấu (X) vào ô kết quả tương ứng kết quả đạt)

* Đánh giá tiêu chí:

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Tiêu chí 1			X
Tiêu chí 2			X
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4			X
Tiêu chí 5			X

2. Kết luận: Đạt mức độ 3

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Ninh Bình

Xã / phường / thị trấn: Xuân Hưng

Điện thoại: 0886.948.480

Email: mn.xuanbac-xt@namdinh.edu.vn

Website: <https://mnxuanbac.ninhbinh.edu.vn/>

Đạt mức độ chuyên đổi số: Mức 3

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

* Tổng số học sinh:

- **Tại thời điểm tháng 5/2026: 337 cháu.**

* Số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 33 người

- Cán bộ quản lý: 03 người;

- Giáo viên: 24 người; (02 hợp đồng)

- Nhân viên: 06 người.

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

Nhân sự: Gồm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và các đ/c giáo viên có năng lực về CNTT.

Nhân sự chuyển đổi số (CDS) trong nhà trường đóng vai trò nòng cốt trong việc tích hợp công nghệ, nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý. Đội ngũ này không chỉ cần kiến thức kỹ thuật mà quan trọng hơn là tư duy đổi mới, khả năng quản trị dữ liệu và ứng dụng AI để cá nhân hóa học tập.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

* Về cơ sở vật chất: Nhà trường có cơ sở vật chất khang trang được xây dựng kiên cố gồm;

- 13 phòng học và 2 phòng chức năng (Phòng phát triển thể chất; Giáo dục âm nhạc) đạt các tiêu chí chuẩn Quốc gia, có đầy trang thiết bị phục đảm bảo cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

- 01 bếp tổ chức nấu ăn theo quy trình một chiều.

- Sân chơi có đủ các loại đồ chơi ngoài trời theo danh mục. có đầy đủ các

- Khối phòng hành chính quản trị được xây dựng kiên cố, trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, hiện hạ tầng cơ sở đang được khai thác.

- Hệ thống thiết bị bảo vệ, kiểm soát: Camera.

* Về hạ tầng Công nghệ thông tin (CNTT) được đầu tư, bao gồm:

- Hệ thống Internet

+ Đường truyền kênh riêng, được kết nối giữa các dãy nhà bằng hệ thống cáp quang, đường dây mạng đến tất cả các phòng học, với tốc độ cao, băng thông lớn phục vụ các dịch vụ trực tuyến như: Cơ sở dữ liệu thư mục, các bộ sưu tập số trực tuyến, website, mail nội bộ... và phục vụ truy cập Internet của người sử dụng.

- Hệ thống máy tính
 - + Tổng số máy tính: 10 cái, được trang bị tại các phòng hành chính, quản trị (HCQT), các tổ chuyên môn và xử lý tài liệu và số hóa.
 - + Tổng số máy in: 08 cái được trang bị tại các phòng hành chính quản trị, các tổ chuyên môn.
 - + Máy Scan: 01 phục vụ cho phòng hành chính quản trị
 - + Máy Foto: Phục vụ chung cho công tác hành chính và giáo dục.
 - Máy chiếu: 01; Màn chiếu: 01
 - Ti vi:
 - + Tổng số: 17 ti vi (13 chiếc/13 phòng học; 01 chiếc theo dõi Camar; 01 chiếc phòng GD âm nhạc; 01 chiếc tại phòng giáo dục thể chất.
 - Loa: 02 bộ
- 100% CBGV giáo viên có laptop các nhân phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và xử lý tài liệu và số hóa.

4. Các số liệu khác: Không

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Xuân Bắc được thành lập ngày 05 tháng 10 năm 1996. Trường có diện tích 4.278,4 m², thuộc địa bàn xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình.

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ hàng năm được nâng cao, tỷ lệ huy động trẻ cao hơn so với mặt bằng của huyện;

Trong những năm gần đây tỷ lệ nhà trẻ huy động đạt từ 60-70%; Mẫu giáo đạt 100% trẻ diện phổ cập; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non (GDMN).

Trường đáp ứng được cơ bản về cơ sở vật chất theo quy định đối với trường chuẩn quốc gia. Trình độ giáo viên, nhân viên 100% đạt chuẩn trở lên.

Chi bộ Đảng được thành lập với 23 đảng viên giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo các hoạt động của nhà trường, nhiều năm đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Các tổ chức: Công đoàn, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành nhiệm vụ.

Các cuộc vận động, phong trào thi đua được triển khai nghiêm túc góp phần nâng cao nhận thức và nâng cao hiệu quả các hoạt động trong nhà trường.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và nuôi dưỡng, giáo dục được chú trọng.

2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá được hiện trạng thực hiện chuyển đổi số từng năm học của nhà trường để xác định được các điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc

phục và cung cấp thông tin hỗ trợ các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra tại Chương trình Chuyển đổi số của quốc gia, của tỉnh và của ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Từng bước nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; làm cơ sở xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại về CNTT và CDS.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Sau khi có Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non; Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025; Công văn số 383/SGDĐT-CTHSSV ngày 06/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về triển khai một số nhiệm vụ công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số sau sáp nhập; Công văn số 499/SGDĐT-CTHSSV ngày 15/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về hướng dẫn thực hiện các nội dung về kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số, tạo lập văn bản số; cập nhật thông tin trên CSDL ngành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về hưởng ứng, triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” ngành Giáo dục; Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Xuân Hưng về chuyển đổi số xã Xuân Hưng năm 2025 và các văn bản có liên quan, nhà trường đã tổ chức thành lập Hội đồng tự đánh giá theo đúng quy định và xây dựng kế hoạch tự đánh giá; phân công thành viên thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; tổ chức phản biện để đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí. Tổ thư ký tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá. Sau đó hội đồng công bố báo cáo tự đánh giá. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, có một số khó khăn như: Một số minh chứng lưu trữ chưa đầy đủ, năng lực và trình độ công nghệ thông tin và chuyển đổi số (CDS) của giáo viên, nhân viên không đồng đều...

Để báo cáo tự đánh giá chính xác, trung thực khách quan Hội đồng tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trường tổ chức lớp tập huấn triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho các thành viên trong nhà trường để các thành viên trong Hội đồng nắm bắt kỹ năng tự đánh giá và hiểu được tầm quan trọng của công tác này.

Tiến hành tự đánh giá chủ yếu là bằng phương pháp đánh giá thực tế các hoạt động của nhà trường: sưu tầm thông tin, so sánh đối chiếu và phân tích dữ liệu. Ngoài ra nhà trường sử dụng các phương tiện hỗ trợ như: máy tính, máy photocopy, máy chụp ảnh, máy scanner, giấy A4... Dựa trên bảng xác định nội hàm của chỉ số nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường

qua 5 tiêu chí đó là; Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Triển khai dịch vụ trực tuyến; Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số; Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, nhà trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu.

Báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Tiêu chí 1: Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

1. Mô tả hiện trạng

- Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị. (Điều kiện bắt buộc).

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và đôn đốc phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện, nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Bộ GD&ĐT năm 2026.

3. Điểm yếu

- Một số giải pháp chưa khả thi

4. Kế hoạch cải tiến

Tăng cường quán triệt, nhận thức đầy đủ về chủ trương chuyển đổi số của Trung ương, của tỉnh và ngành Giáo dục, tạo nền tảng, khơi gợi sự sáng tạo đột phá để ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số mạnh mẽ trong mọi hoạt động của đơn vị.

5. Kết luận về tiêu chí: Đạt mức độ 3

II. Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Chỉ số 2.1. Quản lý thông tin trẻ em

1. Mô tả hiện trạng

- Đã quản lý thông tin của trẻ trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai áp dụng thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý trẻ.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em

1. Mô tả hiện trạng

- Đã quản lý thông tin theo dõi sức khỏe của trẻ trên phần mềm cơ sở dữ liệu (CSGL) ngành.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai áp dụng thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) trên phần mềm CSDL ngành.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên phần mềm CSDL ngành.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.4. Quản lý thông tin y tế trường học

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học trên phần mềm CSDL ngành.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học trên phần mềm CSDL ngành.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 2,5 điểm

Chỉ số 2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục (PCGD) trên phần mềm.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên, đa số cán bộ, giáo viên đã khai thác phần mềm, điều tra và nhập số liệu chính xác, đúng thời đáp ứng các yêu cầu về thông tin PCGD cho trẻ em 5 tuổi học trên phần mềm CSDL ngành.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai báo cáo, thống kê tài sản, tài chính từ dữ liệu của đơn vị chính xác, nhanh gọn với hiệu quả cao; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính trên phần mềm.

2. Điểm mạnh

- Nhập số liệu chính xác báo cáo, thống kê đúng thời gian.

3. Điểm yếu.

- Việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 3 điểm

Chỉ số 2.7. Quản lý văn bản điện tử

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử tối đa.

2. Điểm mạnh

- Tiếp nhận và giải quyết văn bản; lưu trữ văn bản và phục vụ sử dụng, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

3. Điểm yếu.

- Việc khai thác, lưu trữ còn gặp khó khăn một số khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 3 điểm

Chỉ số 2.8. Tiềm ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ trẻ ăn bán trú đạt 100%, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao đạt trên 90%.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 7 điểm

Chỉ số 2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non, ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM vào để tổ chức các động giáo dục đạt kết cao/trẻ.

3. Điểm yếu.

- Bước đầu ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM lên một số giáo viên chưa hiểu hết nội hàm của phương pháp

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, tích cực nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 7 điểm

Chỉ số 2.10. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và tận suất sử dụng đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Cha mẹ trẻ đã cung cấp các thông tin liên quan đến đặc điểm cá nhân và sự phát triển của trẻ. Phối hợp chặt chẽ với giáo viên, nhà trường trong các hoạt động cụ thể hướng tới chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường cũng như tại gia đình.

- Cùng với giáo viên, nhà trường tạo môi trường giáo dục tốt nhất cho trẻ nhằm giúp trẻ có cơ hội phát triển một cách toàn diện nhất.

- Phối hợp cùng với nhà trường kiểm tra đánh giá sự phát triển của trẻ.

3. Điểm yếu.

- Một số cha mẹ trẻ đi làm ăn xa lên việc phối hợp với nhà trường chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến

- Làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương về giáo dục mầm non tới cha mẹ trẻ và cộng đồng.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.11. Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và tận suất sử dụng đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Giúp cho cha mẹ trẻ có thêm một số kiến thức cơ bản về việc nuôi dạy con theo khoa học, giúp cha mẹ trẻ phòng chống được một số bệnh tật, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em.

3. Điểm yếu.

- Một số ít cha mẹ trẻ còn thờ ơ, chủ quan trong việc nuôi dạy trẻ

4. Kế hoạch cải tiến

- Làm tốt công tác tuyên truyền về những kiến thức nuôi dạy trẻ cơ bản tới cha mẹ trẻ và cộng đồng.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 1,5 điểm

Chỉ số 2.12. Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành giáo dục do Bộ giáo dục quản lý

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Nhập dữ liệu đúng thời gian và chính xác

3. Điểm yếu: Khi nhập mã định danh của 1 số ít trẻ không được.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5,5 điểm

Chỉ số 2.13. Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, ứng dụng quản trị nuôi dưỡng. (Điều kiện bắt buộc)

1. Mô tả hiện trạng

- Đã Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, ứng dụng quản trị nuôi dưỡng.

2. Điểm mạnh

- Đã vận hành, khai thác sử dụng, ứng dụng quản trị nuôi dưỡng hiệu quả.

3. Điểm yếu.

- Không có

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt mức 3

* **Tổng hợp đánh giá:** Tiêu chí 2

Chỉ số	Điểm số
2.1	05
2.2	05
2.3	05
2.4	1,5
2.5	05
2.6	03
2.7	03
2.8	07
2.9	07
2.10	05

2.11	2,5
2.12	5,5
2.13	(Điều kiện bắt buộc)
Tổng điểm	59,5

Đạt: Mức độ 3

III. Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến

Chỉ số 3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến

1. Mô tả hiện trạng

- Chưa triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp

2. Điểm mạnh: Không có

3. Điểm yếu.

- Do đặc thù cấp học mầm non trẻ nhỏ và nhập học không cùng một thời điểm đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường có kế hoạch triển khai dịch vụ vào năm học 2025-2026

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 0 điểm

Chỉ số 3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng Web/thiết bị thông minh/mạng xã hội/OTT (ove the top) gồm tối thiểu các chức năng; Thông tin, thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã triển khai dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng Web/thiết bị thông minh/mạng xã hội/OTT.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai đầy đủ tối thiểu các chức năng.

3. Điểm yếu.

- Một số cha mẹ trẻ đi làm ăn xa để con cho ông bà nuôi lên việc kết nối qua các thiết bị thông minh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tích cực tuyên truyền tới cha mẹ trẻ tham gia dịch vụ kết nối, để sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác NDCSGD đạt hiệu quả cao.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 4 điểm

Chỉ số 3.3. Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã triển khai thực hiện thu phí dịch vụ thông qua tài khoản ngân hàng của đơn vị

2. Điểm mạnh: Đã triển khai thường xuyên và hiệu quả cao.

3. Điểm yếu.

- Một số ít gia đình còn nộp (chuyển khoản) chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc của Kế toán.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tích cực tuyên truyền tới cha mẹ trẻ thực hiện nộp tiền bằng hình thức chuyển khoản đúng thời gian.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 4 điểm

* **Tổng hợp đánh giá:** Tiêu chí 3

Chỉ số	Điểm số
3.1	0
3.2	04
3.3	04
Tổng điểm	08

Đạt: Mức độ 2

IV. Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Chỉ số 4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- 80,7% giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

- Giáo viên tích cực học tập nâng cao trình độ công nghệ thông tin.

3. Điểm yếu.

- Một số giáo viên cao tuổi tiếp cận và sử dụng các ứng dụng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 10 điểm

Chỉ số 4.2. Tỷ lệ giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số

1. Mô tả hiện trạng

- 100% giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.

2. Điểm mạnh

- 100% cán bộ giáo viên có giấy chứng nhận ứng dụng CNTT cơ bản;

- 42,3% cán bộ giáo viên tham gia khóa đào tạo chuyển đổi số trong giáo dục, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử và vận hành đào tạo E-LEARNING (có giấy chứng nhận).

- 42,3 % cán bộ giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng chuyên đề “Một số vấn đề cơ bản về chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh của địa phương, (có giấy chứng nhận).

3. Điểm yếu.

- Giáo viên chưa có nhiều thời gian để học tập nghiên cứu.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 10 điểm

* **Tổng hợp đánh giá:** Tiêu chí 4

Chỉ số	Điểm số
4.2	10
4.3	10
Tổng điểm	20

Đạt: Mức độ 3

V. Tiêu chí 5: Hạ tầng thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Chỉ số 5.1: Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet.

1. Mô tả hiện trạng

- 100% số phòng học có thiết bị như (tivi, máy tính và 1 số thiết bị phụ trợ khác). Hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được kết nối Internet.

2. Điểm mạnh

- Thường xuyên nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đảm bảo tối đa việc hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhóm lớp

3. Điểm yếu.

- Còn thiếu 1 số thiết bị hiện đại

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục đầu tư, mua sắm các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giáo dục mầm non hiện nay.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 4 điểm

Chỉ số 5.2. Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

- Có đầy đủ máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn.

2. Điểm mạnh

- Có đầy đủ các văn bản, hồ sơ, sổ sách việc thực hiện kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý, sử dụng hạ tầng, thiết bị tại đơn vị.

3. Điểm yếu.

- Không có

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 4 điểm

* **Tổng hợp đánh giá:** Tiêu chí 5

Chỉ số	Điểm số
5.1	04
5.2	04
Tổng điểm	08

Đạt: Mức độ 3

Phần III KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt;
- + Mức độ 1: 0; Đạt tỷ lệ 0%
- + Mức độ 2: 1; Đạt tỷ lệ 20%
- + Mức độ 3: 4; Đạt tỷ lệ 80%
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Đạt 95,5/100 điểm (đáp ứng Mức độ 3)
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: **Mức độ 3**

Nơi nhận;

- Phòng VHXXH xã (để b/c);
- Hội đồng tự đánh giá (để th/h);
- Lưu VT./.

Xuân Hưng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Kim Nghĩa

